

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HSPT

Ngày: 24/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo Phạm N, Phạm N1 về tội “Giết người”, “Cố ý gây thương tích”. Do có kháng cáo của các bị cáo Phạm N, Phạm N1; người đại diện hợp pháp của bị hại Trần T: Bà Nguyễn Thị T1; bị hại ông Trần Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1257/2022/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022.

Bị cáo:

1. Phạm N, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1992 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn X, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm N1 và bà Lê Thị Kim C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/05/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm N1, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1968 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn X, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T3 (chết) và bà Võ Thị L (chết); bị cáo có vợ tên Lê Thị Kim C và có 5 con chung, lớn nhất 33 tuổi, nhỏ nhất 21 tuổi; tiền án, tiền

sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 05/6/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Phạm N:* Luật sư Nguyễn Ngọc L1 - Văn phòng luật sư C1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số 44 Đường L2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Trần T; sinh năm 1985 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần T:

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988 (là vợ bị hại). Địa chỉ: Thôn Đ1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: Bà Trần Thị D; có mặt.

+ Ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị S (là cha mẹ đẻ bị hại). Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Ông Trần Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn X, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Đ và người đại diện hợp pháp của bị hại Trần T:*

+ Luật sư Huỳnh Ngọc A, Văn phòng luật sư Q1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: 943 đường Q2, phường C2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

+ Luật sư Trương Văn B, Luật sư Nguyễn Xuân T3 - Công ty Luật T4, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Cùng địa chỉ: Số 324, Đường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Trần Thủy Kiều A1, sinh năm 2012 và cháu Trần Minh Q3, sinh năm 2016, có bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột) là đại diện hợp pháp. Cùng địa chỉ: Thôn Đ1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1964;

3. Anh Phạm D1, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; có mặt.

2. Anh Nguyễn Đức D2, sinh năm 1988; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm N1 và Trần Đ là hàng xóm láng giềng, cùng làm nghề đánh bắt hải sản với nhau. Sáng ngày 26/5/2019, khi đi ngang qua nhà ông Đ, N1 gặp và rủ ông Đ “có rảnh không đi lượm lưới”, ông Đ trả lời “muốn biểu hồi nào biểu”, nghe vậy thì N1 nghĩ là ông Đ không đồng ý cùng đi. Đến khoảng 20 giờ ngày 26/5/2019, sau khi cùng ông Trần C1 (sinh năm: 1971 ở gần nhà) uống hết 01 lít rượu trắng tại chòi canh hồ nuôi tôm của ông C1 thì N1 đi về nhà. Về đến nhà, N1 nhớ lại việc ông Đ không đồng ý đi thu lượm lưới đánh cá với mình nên bực tức đi đến nhà của ông Đ để hỏi lý do. Ông Trần Đ đang ở nhà cùng với vợ là bà Nguyễn Thị S và con trai là anh Trần T, N1 đến chửi bới lớn tiếng. Thấy N1 đã say xỉn nên ông Đ đẩy N1 ra cổng, yêu cầu đi về nhưng N1 không chịu về mà tiếp tục la chửi. Thấy vậy, anh T cũng đi ra nói N1 đi về. Lúc này, hai con của N1 là Phạm D1 và Phạm N đang ở nhà nghe tiếng cãi nhau và biết N1 đã uống rượu say nên vội đến nhằm mục đích gọi N1 về. Thấy D1 đến, ông Đ và anh T nói đưa N1 về nhưng N1 không chịu về mà tiếp tục chửi lớn tiếng nên xảy ra giằng co, xô đẩy, đánh nhau. Anh T dùng tay đánh một cái trúng vào vùng mặt bên trái của D1, D1 đánh lại nhưng không trúng; N1 và ông Đ trong lúc giằng co bị ngã xuống đường trước cổng. N đến sau, thấy đánh nhau thì cũng xông vào dùng tay đánh trúng mặt anh T 02 cái và giật cổng ngõ nhà ông Đ. Bị đánh nên anh T dùng tay đánh lại trúng mặt bên phải của N gây trầy xước da. Sau đó hai bên chấm dứt việc đánh nhau.

Ông Trần Đ và anh Trần T đi vào trong sân nhà đứng; Phạm N1 đi dọc theo đường sát tường rào nhà ông Đ, còn Phạm D1 và Phạm N đi đến khu vực cổng nhà bà Đỗ Thị V (gần nhà ông Đ) thì cho rằng một vật được ném ra từ trong sân nhà ông Đ nhưng vì trời tối nên không xác định được vật gì, do người nào ném. Tuy xác định vật ném ra không trúng ai nhưng N nghĩ đó là vỏ chai bia do ông Đ ném cha mình nên bực tức chạy đến đồng gạch đất nung, loại gạch 06 lỗ trong sân nhà bà V lấy 02 viên gạch, mỗi tay cầm một viên chạy ra hướng cổng nhà bà V thì nhìn thấy anh T đang đứng trong sân nhà ông Đ, mặt anh T nhìn về hướng sân nhà bà V, phần cơ thể từ vùng ngực trở xuống bị bức tường rào bằng xi măng nhà ông Đ che lấp. N đứng cách anh T khoảng 4,15m – 06 mét dùng tay phải cầm một viên gạch nhắm vào vùng mặt của anh T ném mạnh, viên gạch trúng mặt anh T làm anh T bị “vỡ xương gò má phải” và ngã ngửa, đầu đập xuống nền sân xi măng gây “chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não, tụ máu ở hai bán cầu đại não và vùng chẩm”. Thấy anh T bị trúng gạch nằm dưới nền sân xi măng, N chuyển tiếp viên gạch còn lại từ tay trái sang tay phải, ném mạnh vào nhà của ông Đ nhưng không trúng ai rồi chạy đến đồng gạch lấy thêm một viên định ném tiếp nhưng bị anh Nguyễn Đức D2 (con của bà V) phát hiện, chạy đến can ngăn, giật lấy được viên gạch từ tay bị can N. Lúc này, mẹ của anh T là bà Nguyễn Thị S phát hiện sự việc, la lên “Chết, chết, thằng T chết rồi”. Nghe tiếng bà S và thấy anh T nằm bất động nên ông Đ tức

giận chạy vào nhà lấy 02 vỏ chai bia Dung Quất, loại chai 330ml cầm chạy đến sát tường rào. Phát hiện Phạm N1 đứng gần tường rào, ông Đ cầm mỗi tay mỗi vỏ chai bia chồm ra ngoài tường rào nhằm mục đích đánh N1 nhưng bị N1 giật lấy được 01 vỏ chai bia từ tay ông Đ, vỏ chai bia còn lại bị rơi phía bên ngoài tường rào. N1 dùng tay trái cầm vỏ chai bia chồm qua tường rào đánh một cái trúng vào thái dương bên trái của ông Đ, gây thương tích 02% và làm ông Đ ngã nằm xuống nền sân nhà. Lúc này, Phạm D1 lấy một viên gạch trong sân nhà bà V chạy ra đường bê tông thì chỉ còn thấy Phạm N1 đứng gần tường rào nên D1 ném thẳng viên gạch vào nhà ông Đ rồi cùng N1 bỏ đi về. Anh Trần T được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi sau đó chuyển đến Bệnh viện Đà Nẵng lúc 11 giờ 50 phút, ngày 27/5/2019 thì anh T chết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm N phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm N 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/05/2019.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; Điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm N1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 05/6/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

Ngày 29/12/2021, bị cáo Phạm N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/01/2022, bị cáo Phạm N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại cho đúng sự thật khách quan.

Ngày 03/01/2022, người đại diện hợp pháp của bị hại Trần T: Bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì đây là vụ án có tổ chức do Phạm N1 là người tổ chức; Phạm D1, Phạm N chỉ là đồng phạm.

Ngày 04/01/2022, bị hại Trần Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ hành vi đồng phạm của Phạm D1 và tăng hình phạt đối với Phạm N1.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm N giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại toàn diện vụ án và sự thật khách quan. Đại diện hợp

pháp cho người bị hại là bà Nguyễn Thị T1 và người bị hại ông Trần Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xem xét hành vi phạm tội có tổ chức của bị cáo Phạm N1 và vai trò đồng phạm của Phạm D1 trong vụ án, đồng thời tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm N1.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm N thống nhất về tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất và hành vi nguy hiểm của các bị cáo đã gây ra. Đặc biệt trong vụ án còn có thêm người tham gia do đó cần xem xét tính chất đồng phạm trong vụ án. Đối với bị cáo Phạm N1, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” là chưa tương xứng với hành vi nguy hiểm bị cáo đã gây ra, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra mức án phù hợp để mang tính chất răn đe đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Phạm N, Phạm N1 là đúng người, đúng tội. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình chứng cứ gì mới; đại diện hợp pháp của người bị hại và người bị hại cho rằng vụ án này là phạm tội có tổ chức, ngoài 02 bị cáo còn có thêm người tham gia và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm N1. Tuy nhiên, tại phiên tòa người bị hại cũng như người đại diện hợp pháp của người bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ quan tiến hành tố tụng đã làm rõ hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng như xem xét tính chất, vai trò của những người có liên quan trong vụ. Do đó, không có cơ sở chấp kháng cáo của người bị hại và đại diện hợp pháp người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người làm chứng anh Dương, bà Kiều vắng mặt không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai thể hiện đầy đủ trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Đ và người đại diện hợp pháp của bị hại Trần T: Luật sư Trương Văn Bình, Luật sư Nguyễn Xuân Tiền vắng mặt không có lý do. Bị hại Trần Đ và người đại diện hợp pháp của bị hại Trần T đề nghị xét xử vắng mặt Luật sư.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm N1 cho rằng có xảy ra mâu thuẫn xô xát nhau, tuy nhiên hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn bộ sự thật khách quan của vụ án mà quy kết bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” xử phạt bị cáo 01 tù là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, đối chiếu với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định thương tích, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ ngày 26/5/2019, sau khi uống rượu, Phạm N1 nhớ lại việc ông Đ không đồng ý đi thu lượm lưới đánh cá với mình nên bức tức, N1 đến nhà ông Trần Đ chửi lớn tiếng. Trần Đ; Trần T và hai con của N1 là Phạm D1; Phạm N khuyên bảo N1 về nhà, nhưng N1 không chịu về mà tiếp tục chửi lớn tiếng nên hai bên xảy ra giằng co, xô đẩy, đánh nhau.

Khi đi về N1 bức tức do nghĩ ông Đ ném vỏ chai bia vào cha mình nên chạy đến đồng gạch đất nung, loại gạch 06 lỗ trong sân nhà bà V lấy 02 viên gạch, mỗi tay cầm một viên chạy ra hướng cổng nhà bà V thì nhìn thấy anh T đang đứng trong sân nhà ông Đ, mặt anh T nhìn về hướng sân nhà bà V, phần cơ thể từ vùng ngực trở xuống bị bức tường rào bằng xi măng nhà ông Đ che lấp. N1 đứng cách anh T khoảng 4,15mét – 06mét (không xác định được cụ thể khoảng cách) dùng tay phải cầm một viên gạch nhắm vào vùng mặt của anh T ném mạnh, viên gạch trúng mặt anh T làm anh T bị “vỡ xương gò má phải” và ngã ngửa, đầu đập xuống nền sân xi măng gây “chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não, tụ máu ở hai bán cầu đại não và vùng chẩm”. T bị trúng gạch nằm bất động nên ông Đ tức giận chạy vào nhà lấy 02 vỏ chai bia Dung Quất, loại chai 330ml cầm chạy đến sát tường rào. Phát hiện Phạm N1 đứng gần tường rào, ông Đ cầm mỗi tay mỗi vỏ chai bia chồm ra ngoài tường rào nhằm mục đích đánh N1 nhưng bị N1 giật lấy được 01 vỏ chai bia từ tay ông Đ, vỏ chai bia còn lại bị rơi phía bên ngoài tường rào. N1 dùng tay trái cầm vỏ chai bia chồm qua tường rào đánh một cái trúng vào thái dương bên trái của ông Đ, gây thương tích 02% (hai phần trăm). Lúc này, Phạm D1 lấy một viên gạch trong sân nhà bà V chạy ra đường bê tông ném thẳng viên gạch vào nhà ông Đ nhưng không trúng ai rồi cùng N1 bỏ đi về. Anh Trần T được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi sau đó chuyển đến Bệnh viện Đà Nẵng nhưng anh T chết lúc 11 giờ 50 phút, ngày 27/5/2019. Theo, kết luận giám định

số 502/KLGD-PC09 ngày 30/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi nguyên nhân chết là do đa thương tích, đa chấn thương.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 92/TgT ngày 03/6/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi xác định tỷ lệ thương tích của ông Trần Đ là 02%.

[3]. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ dẫn đến xô xát giữa cha ruột là Phạm N1 và anh ruột là Phạm D1 với cha con ông Trần Đ, Trần T. Bị cáo N có hành vi dùng gạch ném vào vùng đầu của bị hại Trần T. Hành vi của bị cáo thể hiện sự hung hãn, mang tính chất côn đồ. Khi ném gạch vào đầu anh T bị cáo ý thức được hành vi của mình nguy hiểm, là ném vào vùng xung yếu của con người có thể gây chết người nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Sau khi anh T bất tỉnh nằm dưới nền xi măng, bị cáo vẫn thản nhiên bỏ đi, bỏ mặc hậu quả xảy ra và thực tế là anh T chết. Mặc dù, tại thời điểm gây án bị cáo bị bệnh Tâm căn suy nhược (F48.0 – ICD.10) và bị hạn chế năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng bị cáo N vẫn là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi cầm vỏ chai bia đánh vào vùng thái dương ông Trần Đ gây thương tích 02% của bị cáo Phạm N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Chỉ vì bức tức vô cớ với ông Trần Đ mà bị cáo lớn tiếng chửi bới ông Đ, mặc dù đã được mọi người can ngăn nhưng bị cáo không về nhà mà lại tiếp tục chửi bới, xô xát, đánh nhau với gia đình bị hại dẫn đến mâu thuẫn thêm trầm trọng. Tại thời điểm gây án bị cáo phải ý thức được vỏ chai bia là hung khí nguy hiểm, việc bị cáo đánh trúng vào thái dương bên trái của ông Đ sẽ gây thương tích và hậu quả thực tế xảy ra là ông Đ bị thương tích 02% (hai phần trăm).

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân; bị cáo Phạm N phạm tội mang tính chất côn đồ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo điểm n khoản 1 điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm N1 tuy chỉ gây thương tích cho ông Trần Đ 2% nhưng bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là vỏ chai bia đánh vào vùng thái dương của ông Đ, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5]. Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm N: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ. Tại

phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày các căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, các căn cứ mà luật sư bào chữa đưa ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm. Xét thấy mức hình phạt 14 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại cho đúng sự thật khách quan của bị cáo Phạm N1 thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Khi xét xử bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra, đồng thời cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Xét kháng cáo của người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại thì thấy: Tại phiên tòa người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của Phạm D1 trong vụ án. Người bị hại ông Trần Đ cho rằng Phạm D1 phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với bị cáo Phạm N. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các lời khai của Phạm D1 thể hiện D1 có tham gia đánh nhau với bị hại Trần T và bị hại ông Đ, hành vi dùng gạch ném vào nhà ông Đ mang tính chất bộc phát và chưa gây thương tích cho ai. D1 không hô hào, cổ vũ hay thống nhất bàn bạc với N và N1 gây thương tích cho anh T và ông Đ. D1 ném gạch vào nhà ông Đ là tức giận do bị đánh, việc ném gạch theo quán tính, không nhắm vào ai, không gây thương tích cho ai, không gây thiệt hại gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phạm D1 là có căn cứ. Đối với mức hình phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo N1 là hoàn toàn phù hợp, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Đối với yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại cho rằng vụ án có tổ chức và Phạm N1 là người cầm đầu, còn Phạm N và Phạm D1 chỉ là đồng phạm trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ, sau khi uống rượu, Phạm N1 đã một mình đến nhà ông Trần Đ gây sự. Thấy cha mình lời qua tiếng lại tại nhà ông Đ, Phạm N và Phạm D1 can ngăn và khuyên cha mình là ông N1 về nhà. Từ đó cho thấy nguyên nhân dẫn đến xô xát, đánh nhau xuất phát từ việc Phạm N1 đã sử dụng chất kích thích không làm chủ được

hành vi dẫn đến mâu thuẫn xảy ra, sự việc xảy ra mang tính bộc phát không có sự chuẩn bị, bàn bèn từ trước, do đó không có căn cứ để xem xét về hành vi phạm tội có tổ chức. Bị cáo Phạm N bị xét xử về tội “Giết người” là phù hợp và tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Phạm D1 có tham gia nhưng bàn bạc cấu kết, hành động riêng lẻ, độc lập, và chưa đủ yếu tố bị truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó không có cơ sở để xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án.

Tại phiên tòa người bị hại ông Trần Đ và đại diện hợp pháp của người bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Phạm N, bị cáo Phạm N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm N, Phạm N1 và kháng cáo của người bị hại ông Trần Đ, đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm N phạm tội “*Giết người*”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm N 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/05/2019.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm N1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm N1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 05/6/2019.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm N, bị cáo Phạm N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (03);
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi (03);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi (02);
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo N);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn